

QUY HOẠCH CHUNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Mục lục:

I. PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Giới thiệu tổng quan và quá trình lập đồ án quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	1
2. Tính chất đô thị.....	1
3. Mục tiêu quy hoạch.....	2
II. CÁC NỘI DUNG QUY HOẠCH	2
2.1 Đặc điểm tình hình xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội	2
2.2. Các tồn tại trong xây dựng phát triển đô thị và những vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch.....	3
2.3. Những kinh nghiệm quốc tế	4
2.4. Môi liên hệ vùng.....	4
2.5. Dự báo dân số	5
2.6. Dự báo sử dụng đất	5
2.7. Định hướng phát triển không gian vùng Thủ đô.....	6
2.7.1. Thủ đô Hà Nội trong chùm đô thị vùng Thủ đô Hà Nội.....	6
2.7.2. Mô hình không gian thủ đô Hà Nội.....	6
2.8. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội	7
2.8.1. Khu trung tâm chính trị Ba Đình	7
2.8.2. Định hướng phát triển nhà ở	7
2.8.3. Định hướng quy hoạch mạng lưới giáo dục đào tạo.....	8
2.8.4. Định hướng quy hoạch mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.....	8
2.8.5. Định hướng quy hoạch mạng lưới công trình văn hóa.....	8
2.8.6. Định hướng quy hoạch mạng lưới du lịch, dịch vụ	9
2.8.7. Định hướng quy hoạch mạng lưới thể dục thể thao	9
2.8.8. Định hướng quy hoạch mạng lưới công nghiệp.....	9
2.8.9. Định hướng quy hoạch mạng lưới dịch vụ thương mại	10
2.8.10. Định hướng quy hoạch mạng lưới không gian xanh.	10
2.8.11. Các trục trung tâm, trục hướng tâm và trục phụ.....	10
2.9. Định hướng phát triển khu vực nông thôn.....	10
2.10. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.....	11
2.10.1. Giao thông	11
2.10.2. Chuẩn bị kỹ thuật	12
2.10.3. Cấp nước	13
2.10.4. Cấp điện.....	13
2.10.5. Thông tin liên lạc.....	13
2.10.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang	14
2.11. Bảo tồn di sản	15
2.12. Đánh giá môi trường chiến lược	16
2.13. Tài chính và quản lý đô thị	16
2.13.1. Tài chính đô thị.....	16
2.13.2. Các chương trình và dự án chiến lược	17
2.13.3. Quản lý đô thị.....	17
III. KẾT LUẬN	17

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu tổng quan và quá trình lập đồ án quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050

Việt Nam hiện đang trở thành một quốc gia có tốc độ phát triển nhanh và mạnh mẽ. Dự kiến tăng trưởng kinh tế quốc gia giai đoạn 15 năm tới sẽ duy trì 7% mỗi năm. Dân số đô thị sẽ tăng từ xấp xỉ 30% hiện nay lên trên 50% vào năm 2025. Đảng và Chính phủ đã chỉ đạo yêu cầu đô thị hoá và phát triển đô thị phải đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội theo hướng CNH-HĐH và phân bố dân cư hài hoà và bền vững. Hiện nay, Chính phủ đang có chương trình chiến lược ưu tiên phát triển Hà Nội thành một Thủ đô có quy mô lớn, tầm cỡ quốc tế, là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế. Ngày 29/05/2008 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã ra Nghị quyết 15/2008/QH12 về việc mở rộng địa giới hành chính thủ đô Hà Nội, gồm Thành phố Hà Nội cũ với tỉnh Hà Tây cũ, huyện Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc và 4 xã thuộc huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình với tổng diện tích tự nhiên 3.344,6km², dân số 6.350.000 dân. Ngày 22/12/2008 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1878/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ đồ án quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội mở rộng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Thực hiện Nghị quyết số 15/2008 và Quyết định số 1878/QĐ-TTg, Bộ Xây dựng đã tổ chức tuyển chọn tư vấn quốc tế lập quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội. Ngày 23/09/2008, tại văn bản số 1585/TTg-KTN, Chính phủ đã chấp thuận lựa chọn Liên danh tư vấn quốc tế PPJ (Perkins Eastman – Hoa Kỳ, POSCO E&C và JINA – Hàn Quốc) là đơn vị lập quy hoạch.

Sau quá trình nghiên cứu đồ án được thực hiện theo đúng tiến độ, Bộ Xây dựng đã báo cáo thường trực Chính phủ 3 lần (lần 1 ngày 24/04/2009, lần 2 ngày 21/08/2009, lần 3 ngày 26/11/2009). Trong quá trình nghiên cứu đồ án, nội dung đồ án đã được tiếp tục nghiên cứu chi tiết hơn và tập trung vào các kết luận cuộc họp lần 1, 2, 3 của Thủ tướng Chính phủ tại các thông báo lần lượt số 144/TB-VPCP, 279/TB-VPCP, 348/TB-VPCP, 29/TT-VPCP. Trong quá trình triển khai tổ chức nghiên cứu lập quy hoạch, Bộ Xây dựng phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chỉ đạo Liên danh tư vấn quốc tế PPJ làm việc với các Bộ, ngành liên quan và tổ chức lấy ý kiến chuyên gia, các nhà khoa học trong nước và quốc tế, các Hội nghề nghiệp (Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hiệp hội các đô thị Việt Nam, Hội Quy hoạch và phát triển đô thị Việt Nam, Tổng hội Xây dựng, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hội Di sản văn hóa, Hội Môi trường xây dựng...). Việc tổ chức lấy ý kiến các Hội nghề nghiệp đã, đang và sẽ được thực hiện nhiều lần để Tư vấn tiếp thu, bổ sung vào đồ án trước khi trình Quốc Hội. Đồ án được đăng tải trên trang Web và tổ chức triển lãm lấy ý kiến góp ý của đông đảo nhân dân.

Sau các lần báo cáo Chính phủ cho đến nay, đồ án Quy hoạch chung Hà Nội đang tiếp tục hoàn thiện để trình Hội đồng thẩm định cấp Nhà nước. Hồ sơ đồ án bao gồm 468 trang thuyết minh tổng hợp, 100 trang thuyết minh tóm tắt. Hồ sơ bản vẽ gồm 81 bản, 262 trang phụ lục Đánh giá hiện trạng và kinh nghiệm quốc tế. Trong thời lượng của trang Web, bước đầu Bộ xây dựng phối hợp với UBND Thành phố Hà Nội chỉ đạo các đơn vị chức năng giới thiệu tóm tắt các nét chính của đồ án. Bộ xây dựng và UBND Thành phố Hà nội sẽ tiếp tục cập nhật, đăng tải các vấn đề mà độc giả quan tâm. Chúng tôi rất mong muốn nhận được các ý kiến đóng góp của nhân dân để đồ án được hoàn thiện.

2. Tính chất đô thị

- Là trung tâm hành chính - chính trị của cả nước.
- Là trung tâm văn hóa khoa học công nghệ và giáo dục quan trọng của cả nước.
- Là trung tâm kinh tế - dịch vụ và thương mại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

3. Mục tiêu quy hoạch

- **Tầm nhìn:**

Xây dựng và Phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành Thành phố Xanh – Văn hiến – Văn Minh - Hiện đại, trên nền tảng phát triển bền vững, Hà Nội trong tương lai sẽ phát triển năng động và hiệu quả, là biểu tượng cho cả nước, đóng vai trò trung tâm hành chính- chính trị Quốc gia, trung tâm lớn của Quốc gia về văn hoá - khoa học – giáo dục - kinh tế, một trung tâm du lịch và giao dịch Quốc tế có tầm khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Thủ đô Hà Nội sẽ là nơi có môi trường sống tốt nhất, sinh hoạt giải trí với chất lượng cao và có cơ hội đầu tư thuận lợi.

- **Tương lai mong muốn xây dựng và phát triển Hà Nội trở thành:**

Thành phố Xanh: Phát triển bền vững về môi trường

Thành phố Văn Hiến: Cân bằng giữa bảo tồn và phát triển

Thành phố Văn Minh – Hiện đại: Phát triển bền vững trên nền tảng kinh tế tri thức

- **Mục tiêu chính của quy hoạch**

- Nâng cao vai trò vị thế, tính cạnh tranh của Hà Nội, xứng đáng là Thủ đô của một nước có trên 100 triệu dân, phát triển bền vững và hội nhập với nền kinh tế thế giới.
- Xây dựng hình ảnh của Hà Nội, một đô thị lịch sử, văn hoá truyền thống, cảnh quan, kiến trúc đặc trưng, phát triển và bảo tồn được đặc thù riêng của Hà Nội.
- Định hướng, thực hiện triển khai các chủ trương chính sách, chiến lược phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng của Quốc gia & Thủ đô.
- Xây dựng mô hình chính quyền đô thị, tự chủ và phân quyền hợp lý cho các đô thị trực thuộc nhằm tạo năng động trong công tác quản lý đô thị và thu hút đầu tư.

II. CÁC NỘI DUNG QUY HOẠCH

2.1 Đặc điểm tình hình xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội

Trong suốt 10 thế kỷ (từ năm 1010-2010) lịch sử hình thành và phát triển của thủ đô Hà Nội gắn liền với quá trình đô thị hoá. Khu thành cổ, khu 36 phố phường, khu phố Pháp qua các thời kỳ đều được xác định là trung tâm Hà Nội cổ hay đô thị lõi lịch sử, là trung tâm văn hoá - chính trị - kinh tế, nơi tập trung các cơ quan đầu não của nhà nước Việt Nam, nơi diễn ra những hoạt động văn hoá mang tầm quốc gia, khu vực và quốc tế. Giai đoạn từ Hòa bình lập lại đến nay, Hà Nội đã nhiều lần quy hoạch lại thành phố với những nguyên tắc là văn minh, hiện đại và môi trường trong sạch. Trong đó Quy hoạch Hà Nội năm 1998 với ý tưởng phát triển hai bờ sông Hồng và hành lang xanh dọc sông Nhuệ là thành phố trung tâm trong chùm đô thị Hà Nội. Sau hơn 10 năm thực hiện đến năm 2010, có thể nhận thấy:

- Nhiều khu đô thị mới, các công trình HTKT, các công trình đầu mối quan trọng như: cầu, cống, đường vành đai đô thị, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý rác, nước thải... từng bước đã được triển khai xây dựng theo quy hoạch.
- Là cơ sở quan trọng để lập QHCT các Quận, Huyện, các quy hoạch chi tiết, lập kế hoạch kêu gọi các dự án đầu tư xây dựng của nhiều lĩnh vực trên địa bàn thành phố.

Kết quả đạt được đang làm thay đổi diện mạo bộ mặt của thành phố. Tuy nhiên, sự phát triển và quá trình hoàn thiện bộ mặt đô thị không chỉ do quy hoạch mà nó còn tùy thuộc vào nhiều điều kiện như năng lực quản lý và nguồn lực đầu tư.

Sau khi sáp nhập mở rộng địa giới hành chính thủ đô Hà nội, gồm Thành phố Hà Nội cũ với tỉnh Hà Tây cũ, huyện Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc và 4 xã thuộc huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình với tổng diện tích tự nhiên 3.344,6km², dân số 6.448.837 người (1/4/2009).

Để xây dựng các chiến lược phát triển, tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô, giải quyết các vấn đề tồn tại trong quá trình xây

dựng & phát triển đô thị hướng tới phát triển bền vững đạt hiệu quả cao trên cả 3 lĩnh vực Kinh tế - văn hóa – môi trường, cần thiết lập Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội.

Ranh giới lập quy hoạch Hà Nội

Phạm vi nghiên cứu trực tiếp: Bao gồm toàn bộ diện tích Thủ đô Hà Nội theo Nghị quyết số 15/2008/QH12 về việc Điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội tại kỳ họp thứ III Quốc hội khóa XII.

Phạm vi nghiên cứu gián tiếp: Bao gồm các tỉnh và thành phố thuộc Vùng thủ đô Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và các tỉnh liên quan khác: Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nam, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hòa Bình, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Nam Định, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên.

2.2. Các tồn tại trong xây dựng phát triển đô thị và những vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch

Hiện nay, Thủ đô Hà Nội đang đối mặt với nhiều vấn đề tồn tại trong quá trình đô thị hóa như: Sự phát triển quá tải về các mặt dịch vụ y tế, cơ sở giáo dục, ô nhiễm môi trường, hệ thống giao thông ùn tắc ... do không kiểm soát được việc gia tăng dân số, nhất là di dân từ các khu phụ cận vào thành phố để tìm kiếm việc làm; Thiếu các chiến lược và chính sách kiểm soát, quản lý đô thị gây lãng phí tài nguyên đất đai và nguồn lực đầu tư.

Quá trình triển khai và thực hiện quy hoạch Hà Nội đến nay có nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để giải quyết, gồm có 15 điểm chính, đó là:

1. Chưa hình thành được các trung tâm đô thị có tầm cỡ để tổ chức các sự kiện lớn của đất nước và Thủ đô như các không gian văn hóa, vui chơi giải trí phục vụ nhân dân Thủ đô và trong vùng.
2. Dự báo quy mô dân số và phân bố dân cư hợp lý cho Hà Nội vào năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050
3. Kế hoạch bảo tồn và cải tạo Đô thị lõi lịch sử gồm Khu phố cổ, phố cũ và các di sản, di tích khác.
4. Giải quyết các áp lực đô thị hóa đang ngày một gia tăng làm ảnh hưởng đến hệ thống di sản văn hóa và cảnh quan của Hà Nội, quỹ đất nông nghiệp.
5. Định hướng giải quyết trên 750 dự án đầu tư xây dựng đang rà soát và cập nhật
6. Khai thác nguồn tài nguyên sông, hồ của Hà Nội cho phát triển đô thị và kiểm soát việc thoát nước và lũ lụt của thành phố chủ yếu tập trung ở địa bàn tỉnh Hà Tây cũ trước khi sáp nhập.
7. Phát triển hành lang sông Hồng, tạo dựng hình ảnh cảnh quan chính của thành phố.
8. Hệ thống giao thông đô thị cần được tiếp tục nâng cấp và mở rộng
9. Hạ tầng kỹ thuật & hạ tầng xã hội đô thị tiếp tục nâng cấp và mở rộng
10. Lựa chọn địa điểm xây dựng các trụ sở hành chính các bộ ngành nhằm giảm tải mật độ xây dựng trong nội đô và định hướng lựa chọn địa điểm Trung tâm hành chính quốc gia mới theo tầm nhìn sau năm 2050.
11. Xác định vị trí xây dựng các KCN chủ lực và phát triển kinh tế vùng
12. Giải quyết các vấn đề quá tải cho các dịch vụ y tế, giáo dục ở khu vực nội đô
13. Đề xuất các chương trình nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu xã hội.
14. Tìm nguồn kinh phí đầu tư xây dựng
15. Thiết lập công cụ quản lý đô thị

2.3. Những kinh nghiệm quốc tế

Quy hoạch chung Hà Nội được nghiên cứu dựa trên các kinh nghiệm quy hoạch và thiết kế của mười sáu thành phố lớn trên thế giới, thuộc các khu vực Châu Á, Châu Âu, Trung Mỹ, Nam Mỹ và Hoa Kỳ, có các đặc điểm tương đồng với Vùng Thủ đô Hà Nội, là: Bangkok - Thái Lan, Manila – Philippines, Bắc Kinh, Hàng Châu, Nam Kinh, Thượng Hải - Trung Quốc, Kuala Lumpur – Malaysia, Seoul, Hàn Quốc, Barcelona - Tây Ban Nha, Thành phố Mê-hi-cô – Mexico, Brasilia – Brazil, Chicago, New York, Thủ đô Washington - Hoa Kỳ, Luân Đôn – Anh, Paris - Pháp. Các chuyên gia tư vấn nước ngoài đã tổng kết có 17 kinh nghiệm quy hoạch có thể áp dụng cho Hà Nội được chia thành bốn loại như sau:

- *Tầm nhìn (Các vấn đề Phát triển đô thị):*
 - (1) Tầm quan trọng của quy hoạch chung.
 - (2) Lựa chọn và thực thi quy mô và mật độ phù hợp.
 - (3) Tạo dựng hình ảnh của một thủ đô quốc gia với thiết kế đô thị.
 - (4) Kiểm soát gia tăng dân số.
 - (5) Phối hợp các mô hình thiết kế bền vững.
 - (6) Tạo dựng và thực hiện tầm nhìn.
- *Cơ sở vật chất đô thị lõi (Các vấn đề cơ sở hạ tầng).*
 - (7) Xây dựng cơ sở hạ tầng dịch vụ xã hội hiện đại.
 - (8) Phát triển một hệ thống giao thông công cộng và đường cao tốc.
 - (9) Hợp nhất thành phố bị chia cắt bởi một dòng sông.
 - (10) Kết nối thành phố với vùng.
- *Tăng trưởng thông minh (các vấn đề không gian và môi trường).*
 - (11) Biên không gian mặt nước đô thị thành tiện ích quan trọng.
 - (12) Xây dựng một trung tâm thương mại hiện đại.
 - (13) Nhà ở xã hội.
 - (14) Khuyến khích phát triển kinh tế.
 - (15) Bảo vệ di sản văn hóa, thiên nhiên và kiến trúc.
- *Đặc trưng đô thị.*
 - (16) Chọn địa điểm phù hợp cho các cơ quan Chính phủ.
 - (17) Thiết lập một hệ thống công viên công cộng hấp dẫn và dễ tiếp cận.

Việc quy hoạch và phát triển những thành phố toàn cầu này là minh chứng cho một số bài học quy hoạch cụ thể cũng như các mốc quy hoạch quan trọng mà xét ở một góc độ nào đó phù hợp với quy hoạch chung của Thủ đô Hà Nội.

2.4. Mối liên hệ vùng

Trong mối quan hệ khu vực và quốc tế, Thủ đô Hà Nội có nhiều lợi thế về vị trí địa lý- chính trị, lịch sử phát triển lâu đời và là đô thị trung tâm quan trọng của Việt Nam, có sức hút và tác động rộng lớn đối với quốc gia trong khu vực và quốc tế. Việc sáp nhập mở rộng địa giới hành chính, mang lại cho Hà Nội một vùng sinh thái rộng lớn, phong phú về tài nguyên văn hóa và cảnh quan. Tạo nên những lợi thế cạnh tranh đáng kể so với các vùng đô thị lớn trong khu vực như vùng Nam Trung Hoa, vùng Thủ đô Băng Cốc, vùng Thủ đô Gia Các ta ... khi đặt vấn đề về phát triển Hà Nội theo hướng thủ đô *Xanh - Văn hiến - Văn minh, hiện đại*.

Phát triển không gian Thủ đô Hà Nội được đặt trong mối quan hệ vùng Thủ đô Hà Nội với mối quan hệ tương hỗ hai chiều. Trong đó *Thủ đô Hà Nội tác động đến Vùng* bằng việc thể hiện vai trò là đầu tàu Trung tâm tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy toàn vùng phát triển thông qua sự mở rộng, lan toả các hoạt động kinh tế, đô thị hóa ra các tỉnh xung quanh thủ đô. *Vùng tác động đến Thủ đô Hà Nội* bằng việc cung cấp cho Hà Nội nguồn thực phẩm, nguồn lao động, quỹ đất phát triển cho các khu chức năng mang tính chất liên kết và chia sẻ chức năng vùng, như:

Về phát triển hợp tác khai thác các công trình HTKT đầu mối mang tính liên Vùng: Hà Nội là trung tâm đầu mối giao thông đối ngoại đường bộ, đường sắt, đường hàng không quốc gia, quốc tế. Vùng Hà Nội – Hòa Bình xây dựng Nghĩa trang liên Vùng và bảo vệ nguồn nước sông Đà. Vùng Hà Nội – Thái Nguyên – Vĩnh Phúc – Bắc Ninh - Hưng Yên khai thác và quản lý khu xử lý CTR liên vùng. Vùng Hà Nội – Vĩnh Phúc – Hưng Yên khai thác sông Hồng. Vùng Hà Nội - Hà Nam giải quyết tiêu thoát nước mặt và các giải pháp bảo vệ môi trường sông Đáy.

Về Y tế: Phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu, chất lượng cao hỗ trợ cho các cơ sở y tế đã quá tải trong nội đô Hà Nội cũ. Phát triển các trung tâm y tế lớn tại các đô thị lớn lân cận Hà Nội như Thái Nguyên, Phủ Lý, Vĩnh Yên. *Về Giáo dục:* Phát triển các trung tâm đào tạo, ưu tiên phát triển hệ thống các trường giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề gắn với phát triển các KCN như TP Hưng Yên, TP Phủ Lý, Khu Xuân Hòa, TP Thái Nguyên, TX Từ Sơn. Qui mô đào tạo tại Hà Nội sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong qui mô đào tạo của Vùng. *Về thương mại:* Phát triển các Trung tâm thương mại lớn, các chợ đầu mối các trung tâm trung chuyển hàng hóa lớn (ICD) với các tỉnh có kết nối với Hà Nội qua các tuyến cao tốc như: Khu vực Phố Nối, Văn Lâm, Văn Giang (Hưng Yên), Phúc Yên – Xuân Hòa, khu vực Phố Yên (Thái Nguyên), khu vực Từ Sơn (Bắc Ninh); khu vực Đồng Văn (Hà Nam) gắn với cao tốc Bắc Nam. *Về du lịch:* Kết nối các hoạt động du lịch trong thành phố với các Trung tâm du lịch lớn của Vùng như: Khu vực phía Bắc và Tây Bắc có Vùng ATK, hồ Núi Cốc, Vùng Tam Đảo, Tây Thiên; Khu vực phía Đông và Đông Bắc có Đền Hùng, Thanh Thủy, hồ sông Đà, Mai Châu; Khu vực phía Nam có Hương Sơn, Tam Chúc, Phố Hiến; Khu vực phía Đông có Tiên Sơn... *Về Công nghiệp:* Hạn chế phát triển các KCN lớn và chuyển dần các khu công nghiệp trong nội thị ra ngoại thị. Trong thành phố ưu tiên các loại hình các khu CN công nghệ cao và các tổ hợp Đô thị-CN-Thương mại tiên tiến. Vùng phía Tây Bắc (Khu vực Vĩnh Yên, Phúc Yên), phía Bắc (Phố Yên, Sông Công) phía Đông (Phố Nối, Từ Sơn, Quế Võ), phía Nam (Đồng Văn). Phát triển CN Hà Nội ở ngưỡng 6000-8000 ha (gần 30% CN Vùng) và ưu tiên phát triển công nghệ cao.

2.5. Dự báo dân số

Năm 2030, dân số Hà Nội đạt khoảng dưới 10 triệu dân, tầm nhìn đến năm 2050 đạt ngưỡng 13-14 triệu người. Từ nay đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng dân toàn thành phố không tăng quá 2-3%/năm, giảm dần còn dưới 1,5% giai đoạn 2030-2050 (thời kỳ 1994-2007: 2,4%/năm). Tốc độ tăng tự nhiên chung trong khoảng 0,8-1%/năm. Tốc độ tăng cơ học (chuyển đổi ranh giới hành chính và lực hút đô thị) của toàn thành phố 1-2%/năm (0,4%/năm 2007); của riêng đô thị 3-4%/năm. Khu vực nông thôn tăng chung sẽ giảm xuống dưới 0% đến -3 % do thu hẹp ranh giới và hạn chế di dân từ nông thôn vào thành thị. Khống chế mật độ dân số trong lõi trung tâm thành phố (4 quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Ba Đình, Đống Đa), hiện nay là 33.300người/km², giảm dần trong tương lai đến năm 2050 là 23.000 người/km²; các đô thị khác dự kiến sẽ dưới 10.000 người/km².

Năm 2030, dân số toàn thành phố có khoảng 9,4 triệu người (trong đó thành thị khoảng 6,4 triệu người, Nông thôn khoảng 3 triệu người, tỉ lệ đô thị hóa 68,8%). Phân bố dân cư đô thị hạt nhân khoảng 4,41triệu người (Trong đó: các quận nội đô cũ phía Nam sông Hồng khoảng 1,69 triệu người; khu phát triển mới cả phía Bắc và Nam khoảng 2,72 triệu người); 5 đô thị vệ tinh khoảng 1,77 triệu người; Các đô thị sinh thái và các thị trấn hiện hữu khoảng 0,26 triệu người.

2.6. Dự báo sử dụng đất

Tổng quỹ đất xây dựng cả thành thị và nông thôn khoảng 125.500ha, chỉ tiêu: 130-135 m²/người, chiếm xấp xỉ 37,5% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó đất xây dựng thành thị khoảng 92.000ha, chỉ tiêu: 125-130m²/người, chiếm 27,5% so đất tự nhiên toàn thành phố. Đất xây dựng nông thôn khoảng 33.500 ha, chỉ tiêu 135-140m²/người.

Phân bổ chi tiết đất xây dựng đô thị tại các khu vực: Đô thị hạt nhân có diện tích khoảng 40.000 ha; chỉ tiêu: 90 m²/người, trong đó khu vực các quận nội thành (Nam sông Hồng) có diện tích khoảng 9.000 ha; chỉ tiêu: 50-52 m²/người. Khu vực phát triển mới diện tích khoảng 31.000 ha; chỉ tiêu: 110-115 m²/người, trong đó 5 đô thị vệ tinh diện tích khoảng 32.000 ha; chỉ tiêu: 180 m²/người; Các đô thị sinh thái và các thị trấn hiện hữu diện tích khoảng 3.900 ha; chỉ tiêu: 135-140 m²/người.

2.7. Định hướng phát triển không gian vùng Thủ đô

2.7.1. Thủ đô Hà Nội trong chùm đô thị vùng Thủ đô Hà Nội.

Hà Nội là Đô thị hạt nhân - đa chức năng với chức năng hành chính, chính trị quốc gia là nổi bật; Các đô thị đối trọng là thành phố thủ phủ của các Tỉnh xung quanh Hà Nội; Các đô thị vệ tinh có chức năng riêng biệt hỗ trợ đô thị hạt nhân phát triển tạo thành chùm đô thị vệ tinh xung quanh Đô thị hạt nhân tránh mô hình đô thị phát triển theo dạng lan tỏa và đô thị tập trung phát triển quá mức. Phía Đông và Bắc Hà Nội hướng ra hệ thống cảng Hải Phòng, Quảng Ninh phát triển đô thị vệ tinh và KCN sản xuất hàng hóa xuất khẩu khối lượng lớn gắn với hệ thống quốc lộ 2, đường xuyên Á và sân bay quốc tế Nội Bài. Phía Tây vùng địa hình bán sơn địa dọc trên tuyến đường Hồ Chí Minh, QL21, có rừng Quốc gia Ba Vì, Hương Tích phát triển đô thị vệ tinh và các khu du lịch nghỉ dưỡng, khu công nghệ cao, một số công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật lớn. Phía Nam Hà Nội phát triển đô thị vệ tinh đảm nhận các chức năng về dịch vụ chuyển tải hàng hóa của vùng phía Tây và Tây Bắc với 1 số khu vực phía Nam Bắc Bộ với hệ thống cảng, thông qua tuyến đường 5 – đường Đỗ Xá, Quan Sơn dự kiến làm mới.

2.7.2. Mô hình không gian thủ đô Hà Nội.

Cấu trúc đô thị Hà Nội được xây dựng dựa trên các yếu tố phát triển bền vững là sự kết nối mạng đa cực, đa trung tâm, đa tầng bậc. Cụ thể là:

(1) Phát triển Thủ đô Hà Nội gồm đô thị hạt nhân và 5 đô thị vệ tinh.

Đô thị hạt nhân là trung tâm chính trị, văn hóa, lịch sử, dịch vụ, y tế, đào tạo chất lượng cao của cả nước, khu vực và Thành phố Hà Nội, có dân số khoảng 4-4,5 triệu người, được mở rộng từ đô thị lõi lịch sử về phía Tây đến tuyến đường Vành đai IV, về phía Bắc sông Hồng – Khu vực Mê Linh, Đông Anh, Gia Lâm theo định hướng của Quy hoạch 1998. Trong đó: *Thành phố lõi lịch sử* được kiểm soát bảo tồn nghiêm ngặt các di sản di sản văn hóa Thăng Long cổ và lối sống truyền thống của người Hà Nội, dân số tối đa là 0,8 triệu người, không chế kiểm soát mật độ và tầng cao xây dựng. Xây dựng *Chuỗi đô thị nằm dọc đường vành đai IV Đan Phượng – Hoài Đức – Hà Đông – Thường Tín* nơi đây sẽ xây dựng các công trình có mật độ cao, ưu tiên về cảnh quan cây xanh mặt nước. Chuỗi đô thị này sẽ ôm lấy đô thị lõi lịch sử, có vùng đệm ngăn cách bởi hành lang xanh dọc sông Nhuệ và tiếp nhận nhiều đề án từ trên 750 dự án đang rà soát, cập nhật.

Khu vực *Gia Lâm, Long Biên* phát triển dịch vụ chất lượng cao như thương mại, tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán, đào tạo nghề, y tế chuyên sâu...và hỗ trợ các ngành công nghiệp dọc QL5. *Đông Anh* phát triển thương mại giao dịch quốc tế, công nghiệp kỹ thuật cao, du lịch sinh thái, trường quay gắn với bảo tồn di tích Cổ Loa và đầm Vân Trì, TT thể thao thành phố Hà Nội (ASIAD). *Mê Linh* khu là khu đô thị dịch vụ và công nghiệp sạch, đa ngành, kỹ thuật cao kết nối với sân bay Nội Bài, phát triển trung tâm triển lãm EXPOR, hội chợ hoa kết hợp trung tâm khoa học công nghệ chuyên ngành hoa và cây.

Hình thành 5 đô thị vệ tinh là Hòa Lạc, Sơn tây, Xuân Mai, Phú Xuyên – Phú Minh và Sóc Sơn có dân số từ xấp xỉ từ 21 vạn đến 75 vạn người/1 đô thị. Mỗi đô thị vệ tinh sẽ có một hoặc nhiều nhân tố chính để tạo công ăn việc làm và có chức năng đặc thù riêng để hỗ trợ, chia sẻ với đô thị trung tâm về nhà ở, đào tạo chất lượng cao, công nghiệp, dịch vụ... Trong đó *Hòa Lạc* là đô thị khoa học, nơi tập trung trí tuệ và công nghệ tiên tiến nhất của Việt Nam, là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của cả nước và vùng. *Sơn Tây* là

hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cửa ngõ Tây Bắc thủ đô Hà Nội, là đô thị văn hóa lịch sử du lịch sinh thái, phát triển tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp sinh thái. *Xuân Mai* là đô thị đại học và dịch vụ cửa ngõ phía Tây Nam Hà Nội. *Phú Xuyên – Phú Minh* là đô thị vệ tinh phía Nam của Thủ đô, phát triển công nghiệp, kho tàng, các dịch vụ trung chuyển, đầu mối phân phối, tiếp vận hàng hóa và Logistics phân phối nông sản vùng. *Sóc Sơn* là đô thị cửa ngõ phía Bắc Hà Nội, là đô thị công nghiệp, dịch vụ cảng hàng không Nội Bài gắn với bảo tồn khu vực núi Sóc.

- (2) Hình thành hành lang xanh dọc sông Đáy, sông Tích, sông Cà Lồ nhằm phân tách kiểm soát ngưỡng phát triển của đô thị hạt nhân và các đô thị vệ tinh. Hành lang xanh chiếm 68% tổng diện tích đất tự nhiên, có chức năng bảo vệ những khu vực tự nhiên quan trọng như hệ thống sông hồ, vùng núi Ba Vì, Hương Tích, Sóc Sơn; bảo vệ vùng nông thôn, nông nghiệp năng suất cao, các làng xóm, làng nghề truyền thống, các di tích văn hoá và kiểm soát lũ lụt.

Trong khu vực hành lang xanh, xây dựng đường cảnh quan Bắc-Nam và 3 đô thị sinh thái mật độ thấp là Phúc Thọ, Quốc Oai, Chúc Sơn (quy mô dân số tối đa 5 vạn người/đô thị) tại giao cắt của 3 tuyến chính QL6, đường Láng-Hòa Lạc và QL32. Duy trì các thị trấn hiện hữu như Phùng, Tây Đằng, Phúc Thọ, Liên Quan, Kim Bài, Vân Đình, Đại Nghĩa, Thường Tín... và hình thành mới một số thị tứ. Các đô thị sinh thái và các thị trấn, thị tứ có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ công cộng hỗn hợp cho khu vực nông thôn.

Thiết lập vành đai xanh dọc theo sông Nhuệ kết nối các không gian mở và hệ thống công viên đô thị tạo vùng đệm và là không gian cách biệt giữa đô thị lõi lịch sử với phần mở rộng mới của đô thị hạt nhân trên tuyến vành đai IV tránh việc phát triển theo vết dầu loang. Vành đai xanh dọc sông Nhuệ sẽ giảm tối đa mật độ xây dựng, tiến tới không phát triển dân cư đô thị chỉ có các công trình công cộng sinh thái cây xanh và mặt nước,

- (3) Phát triển mạng lưới giao thông hiện đại, nâng cấp và bổ sung mới hệ thống đường quốc lộ, đường vành đai, đường cảnh quan và hệ thống giao thông công cộng lớn để kết nối thuận tiện đô thị hạt nhân, đô thị vệ tinh và toàn bộ khu vực khác trong và ngoài thành phố Hà Nội.
- (4) Xây dựng tuyến đường trục Thăng Long kết nối giữa Ba vì với trung tâm Ba Đình Lịch sử. Ngoài chức năng về giao thông, đây cũng là trục không gian văn hóa kết nối văn hóa Thăng Long và văn hóa Xứ Đoài. Trên tuyến trục sẽ xây dựng mới công trình văn hóa, lịch sử và giải trí của cả nước và Hà Nội. Trung tâm hành chính quốc gia dự kiến sẽ đặt tại khu vực Ba Vì - Hòa Lạc, gắn với trục Thăng Long.

2.8. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội

2.8.1. Khu trung tâm chính trị Ba Đình

Giữ vị trí trung tâm chính trị quốc gia thành một tổng thể lâu dài tại khu vực Ba Đình. Lưu giữ các giá trị di sản về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, khảo cổ Hoàng Thành và cảnh quan có giá trị khác. Điều chỉnh quy mô diện tích các cơ quan làm việc của Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ phù hợp với định hướng phát triển của quy hoạch chung TP. Hà Nội. Bố trí các không gian tổ chức các hoạt động chính trị, văn hoá, tham quan du lịch của nhân dân trong nước và khách Quốc tế và chỗ đỗ xe.

2.8.2. Định hướng phát triển nhà ở

Giai đoạn đến năm 2030, nhà ở đô thị phân đầu tăng từ 7,5 m²/người (năm 2007), lên 18m² sàn/người (chỉ tiêu chung của quốc gia là 15 - 20 m²/người) và nhà ở nông thôn đạt 15m² sàn/người. Dẫn dân từ đô thị lõi lịch sử tới các khu đô thị mới hoặc đô thị vệ tinh với các tiêu chuẩn nhà ở đạt tiêu chuẩn quốc gia và đa dạng về loại hình đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng sử dụng trong xã hội. Đối với khu phố cổ, không phát triển nhà ở mới, tập trung cải thiện chất lượng ở, bảo tồn giá trị kiến trúc nhà ở, không gian ở truyền thống. Đối với các khu phố

cũ, hạn chế phát triển nhà ở mới, tập trung vào cải tạo quỹ nhà hiện có, bảo tồn kiến trúc nhà ở có giá trị (các biệt thự cũ). Đối với các khu tập thể cũ, quy hoạch cải tạo không làm tăng thêm quy mô dân số, bổ sung, hoàn thiện các chức năng công cộng và hạ tầng kỹ thuật. Đối với nhà ở nông thôn truyền thống, phát triển nhà ở hài hòa với bảo tồn kiến trúc nhà ở truyền thống, cải thiện chất lượng môi trường ở.

2.8.3. Định hướng quy hoạch mạng lưới giáo dục đào tạo

a. Mạng lưới các trường đại học và cao đẳng:

Dự kiến đến năm 2020 quy mô đào tạo vùng Đồng bằng sông Hồng là 1.8 triệu sinh viên, trong đó thành phố Hà Nội đảm nhận khoảng 70-75 vạn sinh viên, chiếm khoảng 45-50% tổng số sinh viên của vùng cả vùng. Phát triển đào tạo theo hướng nghiên cứu và đào tạo chất lượng cao ở hệ đại học, sau đại học và hướng nghiệp ở hệ cao đẳng.

Trong đô thị lõi lịch sử, giảm quy mô đào tạo từ 66 vạn sinh viên xuống tối đa khoảng 20 vạn sinh viên. Chuyển đổi chức năng sử dụng đất các cơ sở đào tạo hiện hữu; một phần thành đất xây dựng các công trình dịch vụ đô thị tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở 2 cho các trường; phần còn lại chuyển đổi thành các cơ sở nghiên cứu, đào tạo chất lượng cao sau đại học... Tại các đô thị vệ tinh như Hòa Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Phú Xuyên – Phú Minh, Chúc Sơn, Sóc Sơn xây dựng các cơ sở mới theo mô hình Khu đại học tập trung, đồng bộ về cơ sở vật chất phù hợp với môi trường đào tạo đại học tiên tiến, dự kiến chỉ tiêu 50 - 60 m²đất/sinh viên

b. Hệ thống giáo dục phổ thông: Hiện nay đạt 8 - 10 m² đất/học sinh (tiêu chuẩn >15m²/hs). Đối với khu vực nội đô, cải tạo và nâng cấp các trường hiện có, tăng cường diện tích xây dựng trường thông qua các dự án tái đầu tư quỹ đất từ cải tạo khu chung cư cũ, chuyển đổi chức năng KCN, các trụ sở cơ quan... hòa nhập tiêu chuẩn giữa trường học ở nội đô và ngoại đô. Đối với các đô thị mới, kiểm soát chặt chẽ việc bố trí quỹ đất xây dựng trường học theo tiêu chuẩn quốc gia.

2.8.4. Định hướng quy hoạch mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Tăng cường nhu cầu giường bệnh trong các bệnh viện đa khoa và các trung tâm y tế chất lượng cao cấp vùng. Trong đô thị lõi lịch sử, cải tạo nâng cấp các cơ sở bệnh viện gây ô nhiễm thành các cơ sở nghiên cứu, dịch vụ khám chữa bệnh phục vụ dân cư các quận nội thành cũ. Xây dựng mới các tổ hợp công trình y tế đa chức năng (Nghiên cứu đào tạo - khám chữa bệnh, phục hồi chức năng - sản xuất dược và trang thiết bị y tế) tại khu vực Hòa Lạc, Sóc Sơn và Thường Tín - Phú Xuyên (quy mô khoảng 200ha/1 tổ hợp). Trong đó một phần quỹ đất sẽ được xây dựng thành các cơ sở 2 của các bệnh viện chuyên sâu tuyến Trung ương và Thành phố hiện đang tập trung trong khu nội đô. Thiết lập mạng lưới bệnh viện đa khoa khu vực tại các khu, cụm dân cư thuộc các quận, huyện, đô thị mới và đô thị vệ tinh căn cứ theo quy mô dân số từng khu vực. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cấp xã, phường.

2.8.5. Định hướng quy hoạch mạng lưới công trình văn hóa

Xây dựng trung tâm văn hóa mới của thành phố Hà Nội tại khu vực Tây Hồ Tây và trung tâm văn hóa cấp quốc gia trên trục Thăng Long (Khu vực Sơn Đồng, Hoài Đức). Quy hoạch lại hệ thống các công trình văn hóa như: nhà văn hóa thông tin, thư viện, hệ thống bảo tàng... Xây dựng mới bảo tàng lịch sử quốc gia Việt Nam, bảo tàng nghệ thuật Châu Á hoặc bảo tàng nghệ thuật Phương Đông, bảo tàng lịch sử tự nhiên Việt Nam cùng nhiều bảo tàng chuyên đề khác. Tiếp tục đầu tư nâng cấp những bảo tàng hiện có. Tiếp tục hoàn thiện dự án Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam, là trung tâm giao lưu nghiên cứu văn hóa các dân tộc trên toàn quốc. Xây dựng các trung tâm vui chơi giải trí, các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong các khu đô thị mới.

Quy hoạch hệ thống tượng đài, xây dựng biểu tượng mới của Hà Nội là Tượng đài độc lập trên trục Thăng Long. Xây dựng mới các quảng trường văn hóa gắn với hệ thống tượng đài mang tính lịch sử 1000 năm Thăng Long, tính nghệ thuật cao kết hợp với các không gian công cộng,

các không gian công viên vườn hoa, khu vực vui chơi giải trí. Xây dựng công viên Tượng đài thành phố vì hòa bình tại Từ Liêm, các công trình văn hóa tượng đài, phù điêu... về sự kiện Cách mạng tháng 8, Tượng đài chiến thắng Cầu Giẽ tại Phú Xuyên, Tượng đài Nguyễn Trãi tại Hà Đông...

2.8.6. Định hướng quy hoạch mạng lưới du lịch, dịch vụ

Dự kiến, tỷ trọng du lịch chiếm 10-15% GDP thành phố. Doanh thu của ngành du lịch hàng năm tăng 16 -18%. Dự báo nhu cầu phòng khách sạn năm 2030 đạt khoảng trên 5 triệu lượt khách quốc tế lưu trú trong KS, trên 7,5 triệu lượt khách nội địa lưu trú trong KS.

Phát triển khu vực nội đô Hà Nội thành *trung tâm đầu mối du lịch quốc gia* trên cơ sở bảo tồn và phát huy giá trị khu phố cổ, khu phố cũ, các di tích lịch sử cách mạng, các di tích lịch sử văn hoá, tôn giáo gắn với quá trình hình thành và phát triển thủ đô. Tiếp tục lựa chọn vị trí xây dựng hệ thống khách sạn 3-5 sao, tại nội đô và ngoại ô thành phố. *Phát triển không gian du lịch nghỉ ngơi cuối ngày và cuối tuần:* tại khu vực các huyện ngoại thành phía Nam và phía Bắc sông Hồng với các khu vực hạt nhân cần ưu tiên phát triển là tổng thể di tích Cổ Loa và tổng thể di tích đền Sóc; *Khu vực phía Tây theo trục Láng Hoà Lạc*, xây dựng các điểm du lịch sinh thái gắn với văn hoá tâm linh như chùa Thầy, chùa Tây Phương, chùa Trầm gian, khu du lịch thể thao Đồng Mô - Ngải Sơn, Ao Vua, Khoang Xanh, Suối Hai, vườn Quốc gia Ba Vì, CK9...; Kết hợp với văn hóa xứ Đoài, văn hóa làng nghề, lễ hội làng; *Khu vực phía Tây Nam* liên kết với các không gian du lịch phía Lương Sơn - Kim Bôi - Hòa Bình... phát triển các loại hình sinh thái, nghỉ dưỡng. Phát triển trung tâm du lịch Quan Sơn – Hương tích. Hình thành tuyến du lịch trong thành phố (Citytour) bằng tàu thủy trên các sông Hồng, sông Nhuệ, sông Đáy.

2.8.7. Định hướng quy hoạch mạng lưới thể dục thể thao

Cải tạo và nâng cấp các cơ sở TDTT hiện có. Dự kiến xây mới: Trung tâm thể thao dưới nước Hồ Tây (5ha), Trung tâm giải trí thể thao cảm giác mạnh: loại hình thể thao cảm giác mạnh gắn với công viên giải trí lớn của thủ đô, Trung tâm thể thao vùng phía Bắc – Mê Linh (20ha), Trung tâm thể thao vùng phía Tây – Sơn Tây (20ha), Trung tâm thể thao vùng phía Nam – Phú Xuyên (20ha), Trung tâm thể thao địa hình Viên Nam: loại hình leo núi, tàu lượn, nhảy dù, xe địa hình, trung tâm thể thao quốc gia và khu thể thao Olympic phía bắc sông Hồng phục vụ ASIAD hoặc Olympic trong tương lai. Xây dựng tổ hợp thể thao có đua ngựa, đua xe công thức I.

2.8.8. Định hướng quy hoạch mạng lưới công nghiệp

Từ bước di chuyển toàn bộ các khu, cụm công nghiệp gây ô nhiễm môi trường trong đô thị lịch sử như cụm công nghiệp Cao Xà Lá, Cầu Diễn, Minh Khai, Rượu bia... tới các vị trí mới đã được xác định trong quy hoạch chung. Chuyển đổi toàn bộ quỹ đất này thành đất công trình công cộng đô thị. Hình thành mới 03 vùng công nghiệp, diện tích khoảng 7.000 - 8.000 ha (đến năm 2030), gồm: Phía Bắc có các KCN Sóc Sơn, Mê Linh, Đông Anh, Gia Lâm, Từ Liêm (khoảng 4.000 - 4.500 ha), phát triển công nghiệp nặng, kho tàng, dịch vụ tiếp vận trung chuyển hàng hóa (Logistic) gắn với sân bay quốc tế Nội Bài và hành lang kinh tế Côn Minh - Hà Nội - Hải Phòng. Phía Nam có các KCN Thường Tín - Phú Xuyên (khoảng 1.000- 1.500 ha) phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp đa ngành gắn với vùng nông nghiệp phía Nam Hà Nội và đầu mối giao thông giữa tuyến Đỗ Xá - Quan Sơn và hành lang kinh tế Bắc Nam dọc Quốc lộ 1A. Phía Đông phát triển khu CN cao Hòa Lạc, công nghiệp chế biến, đa ngành tại Xuân Mai, Miếu Môn (khoảng 2.000 ha) gắn kết đường Hồ Chí Minh và các tuyến hướng tâm Hà Nội.

Phát triển TTCN - Làng nghề truyền thống gắn với ngành nghề nông thôn, theo các cụm các nhóm nghề, kết hợp với bảo tồn và khai thác du lịch. Chú trọng bảo vệ môi trường.

2.8.9. Định hướng quy hoạch mạng lưới dịch vụ thương mại

Xây dựng mới các trung tâm giao thương, Tài chính - Thương mại quốc tế (10- 15 ha) ở Tây Hồ Tây, Hội chợ triển lãm thương mại quốc tế (10 - 50 ha) ở Mỹ Đình, Đông Anh. Hình thành mạng lưới các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ... theo các cấp phục vụ; Trung tâm dịch vụ trung chuyên hàng hóa gắn với các mạng lưới chợ đầu mối nông sản tổng hợp cấp vùng (50 - 100 ha/chợ) tại khu vực Mê Linh, Thường Tín - Phú Xuyên, Hòa Lạc, Thạch Thất, Gia Lâm; Mạng lưới trung tâm bán buôn và mua sắm cấp vùng (20 - 50 ha/trung tâm) gắn với khu vực đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh và các đầu mối giao thông liên vùng tại Sóc Sơn, Thường Tín - Phú Xuyên, Hòa Lạc, Chúc Sơn, Gia Lâm.

2.8.10. Định hướng quy hoạch mạng lưới không gian xanh.

Phần đầu chỉ tiêu đất cây xanh tập trung trong đô thị đạt 10-15m²/người. Khai thác bảo vệ cảnh quan các hệ thống cây xanh tự nhiên tại các khu vực Sóc Sơn, Ba Vì, Hương Tích và hệ thống sông hồ, kết nối với các công viên đô thị và công viên đề như: Công viên lịch sử Cổ Loa, Đền Sóc; Công viên văn hóa gắn với trung tâm các khu đô thị, khu làng nghề trồng hoa, gốm sứ...; Công viên vui chơi giải trí Hồ Tây, Vườn thú, công viên Thống Nhất, Yên Sở, Mễ Trì...; Công viên thể thao, phục vụ các hoạt động thể thao (khu liên hợp thể thao quốc gia, trung tâm thể thao...).

2.8.11. Các trục trung tâm, trục hướng tâm và trục phụ

Hình thành các trục không gian chủ đạo kết nối các chức năng chính đô thị với các vùng cảnh quan chính tạo lập hình ảnh đặc trưng cho Thủ đô, bao gồm: Trục Đông Tây (Trục Thăng Long, trục Tây Thăng Long, trục đường 32, trục Láng Hòa Lạc, trục đường QL6), Trục Bắc Nam (Trục Quốc lộ 3, trục quốc lộ 1A, 1A, trục Nhật Tân- Nội Bài), Trục phía Đông Bắc (Trục đường 5 nối đường Nguyễn Văn Cừ qua trung tâm quận Long Biên), Trục kinh tế Bắc Nam kết nối các thị trấn thị tứ hiện hữu nằm trong hành lang xanh.

Thiết lập trục cảnh quan lấy sông Hồng làm trung tâm khai thác các yếu tố cây xanh mặt nước cùng các thiết chế văn hóa cấp thành phố, quốc gia và quốc tế. Trục tâm linh gắn kết núi Ba Vì với Ba Đình, nối kết với khu vực Cổ Loa tạo nên trục văn hóa lịch sử và tâm linh lớn của cả nước

2.9. Định hướng phát triển khu vực nông thôn

Phát triển sản xuất nông nghiệp Hà Nội theo hướng sản xuất hàng hoá và công nghệ cao. Ưu tiên trồng cây lúa năng suất cao, trồng hoa và cây cảnh, cây ăn quả, trồng rau sạch, chăn nuôi đại gia súc, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, phát triển các làng nghề mới liên kết với các KCN, sử dụng công nghệ không gây ô nhiễm và nâng cao tính cạnh tranh của các làng nghề.

Phát triển dân cư nông thôn, hình thành các trung tâm tiểu vùng trong huyện là các thị trấn hoặc thị tứ để cung cấp các dịch vụ công cộng thiết yếu. Xây dựng mô hình thí điểm các cụm dân cư đổi mới gắn với các trung tâm dịch vụ sản xuất tại các cụm, điểm dân cư trung tâm xã như: Điểm dân cư xã sản xuất lúa tại Thanh Oai, chăn nuôi bò sữa tại Ba Vì, nuôi trồng thủy sản tại Mỹ Đức, trồng rau an toàn tại Đông Anh, Sóc Sơn, trồng cây ăn quả tại Đan Phượng, trồng hoa tại Mê Linh, điểm dân cư TTCN, làng nghề tại Thường Tín, Chương Mỹ... Xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ, bảo hộ về thuế và giống cây trồng, vật nuôi cho các hộ dân. Từng bước nhân rộng mô hình này, tạo nên vùng nông thôn đặc trưng cho Thủ đô Hà Nội, kết hợp với việc giữ gìn và phát huy bản sắc các làng xóm, di tích tín ngưỡng khai thác phát triển du lịch. Hạn chế tăng mật độ dân số khu vực nông thôn và tăng cường các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn, đặc biệt tại các làng nghề.

2.10. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

2.10.1 Giao thông

Mạng lưới giao thông của Hà Nội hiện nay chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của xã hội. Các dự án phát triển hệ thống giao thông còn thiếu hoặc triển khai xây dựng rất chậm. Hệ thống đường sắt có công nghệ lạc hậu, chiếm tỷ trọng quá nhỏ so với tổng nhu cầu vận tải. Đường thủy tỷ trọng vận tải thấp so với tiềm năng do chỉ dựa vào điều kiện tự nhiên. Giao thông đô thị đang bị quá tải nặng nề, tỷ lệ đáp ứng về vận tải hành khách công cộng rất thấp, chỉ đạt 15% (tiêu chuẩn 40-60%).

b. Định hướng phát triển giao thông đối ngoại.

- *Đường bộ:* Cải tạo, nâng cấp mạng lưới giao thông đường bộ hiện hữu gồm các tuyến Quốc lộ, tỉnh lộ hướng tâm về đô thị lõi lịch sử và đường vành đai. Xây dựng các tuyến song hành trên các hướng tuyến chính như QL32, đường láng Hòa Lạc, QL6, QL1A, 1B, QL5, QL3 nhằm chia sẻ sự quá tải cho các tuyến hướng tâm này. Đối với các tuyến vành đai: Hoàn thiện tuyến Vành đai IV, vành đai V, các tuyến cao tốc dọc các hành lang kinh tế quan trọng và kết nối các đô thị đối trọng với thủ đô Hà Nội. Trong đó tuyến đường vành đai IV là đường vành đai ngoài của đô thị hạt nhân. Xây dựng mới 7 cầu, 1 hầm qua sông Hồng; Xây dựng hệ thống các nút giao cắt khác mức; Cải tạo xây dựng hệ thống các bến, bãi đỗ xe đầu mối.
- *Đường sắt:* Cải tạo xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường sắt vành đai song song theo hành lang vành đai IV; Xây dựng mới tuyến đường sắt cao tốc Bắc – Nam. Xây dựng mới 5 tuyến đường sắt đô thị (theo dự án đường sắt đô thị của TP Hà Nội cũ) kết hợp xây dựng mới các tuyến đường sắt phục vụ Ngoại ô, kết nối với hệ thống đường sắt nội đô và Quốc gia thông qua các ga đầu mối;
- *Đường hàng không:* Nâng cấp cảng hàng không, sân bay quốc tế Nội Bài lớn nhất phía Bắc, đạt 50 triệu hành khách/năm sau năm 2030; Sân bay Gia Lâm phục vụ nội địa tầm ngắn.
- *Đường thủy:* Khôi thông luồng lạch nhằm khai thác tối đa các tuyến sông Hồng và các tuyến đường thủy kết nối trực tiếp với cụm cảng biển cửa ngõ Hải Phòng và Quảng Ninh. Cải tạo các sông Đáy, sông Tích nhằm phục hồi các tuyến đường thủy phục vụ du lịch và nông nghiệp trên các sông này. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống các cảng sông khu vực Hà Nội, Sơn Tây, liên kết với các cảng của tỉnh Vĩnh Phúc, Hoà Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam.

c. Định hướng phát triển giao thông đô thị.

- *Đô thị hạt nhân:* Chỉ tiêu mật độ mạng lưới đường chính cấp thành phố: 3-5 Km/Km²; Tỷ lệ đất giao thông 20% - 26%; Vận tải hành khách công cộng đáp ứng 45% - 55%; Mạng lưới GTCC: 2,0-3,0 Km/Km². Đối với trung tâm hiện hữu: Hoàn thiện tuyến Vành đai II, Vành đai III. Xây dựng các tuyến đường 2 tầng giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông tại các khu vực khó có điều kiện mở rộng hoặc nâng cấp đường. Đối với chuỗi Đô thị mới từ vành đai III đến vành đai IV, xây dựng mới tuyến "3,5" kết nối các đô thị mới theo hướng Bắc Nam. Xây dựng các nút giao cắt khác mức trên các đường trục chính đô thị. Kiểm soát và dành đủ quỹ đất để bố trí hệ thống bến bãi đỗ xe. Phát triển hệ thống đường sắt vận tải hành khách khối lượng lớn (UMRT) kết hợp với mạng lưới xe buýt nhanh tạo thành mạng lưới liên hoàn, hiệu quả. Xây dựng 7 tuyến đường sắt đô thị, kéo dài kết nối đô thị hạt nhân với các đô thị vệ tinh.
- *Các đô thị vệ tinh:* Xây dựng mới hoàn toàn hệ thống giao thông theo quy hoạch thống nhất đồng bộ và hiện đại, phù hợp tính chất chức năng và điều kiện đặc thù của các đô thị, đảm bảo liên hệ nhanh với đô thị trung tâm và các đô thị khác.
- Tăng cường vận chuyển hành khách bằng giao thông công cộng. Xây dựng hệ thống tàu điện ngầm khu vực nội đô từ đường vành đai III trở vào để kết nối với hệ thống đường sắt

công cộng ngoại đô để giảm tải giao thông cá nhân. Xây dựng hệ thống nhà ga tàu điện ngầm kết nối với các điểm đô thị. Nơi đây sẽ là điều kiện phát triển trung tâm kinh tế, thương mại và dịch vụ. Hoàn thiện hệ thống xe buýt với các tuyến đi riêng biệt.

d. Định hướng phát triển giao thông ngoại ô.

- *Mạng lưới đường bộ:* Sử dụng các tuyến quốc lộ và đường cao tốc hướng tâm hiện hữu kết nối đô thị vệ tinh với đô thị trung tâm như QL 32, đường cao tốc Láng Hoà Lạc, QL6, QL 1A và đường cao tốc Bắc Nam, QL3 và đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên. Xây dựng mới các tuyến Tây Thăng Long, Trục Thăng Long nối tiếp từ đường Hoàng Quốc Việt đến đô thị Hoà Lạc, tuyến Hà Đông Xuân Mai, tuyến Ngọc Hồi Phú Xuyên, tuyến đường sinh thái nông nghiệp (trục Bắc Nam cũ), tuyến Xuân Mai – Quan Sơn - Đại Nghĩa; tuyến Đỗ Xá – Quan Sơn và các tuyến dọc theo các sông sinh thái kết hợp du lịch và vận tải thủy
- *Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng, kết nối các đô thị vệ tinh:* trước mắt kết nối chủ yếu bằng các tuyến xe buýt nhanh. Trong tương lai, tùy theo lưu lượng vận tải mỗi tuyến để nâng cấp lên đường sắt hoặc loại hình vận tải khối lượng lớn hơn và nhanh hơn. Tổ chức các tuyến đường sắt ngoại ô kết nối trực tiếp các khu đô thị mới (TOD); Tổ chức các tuyến ô tô buýt nhanh (BRT) liên kết các đô thị với thành phố hạt nhân.

2.10.2. Chuẩn bị kỹ thuật

a. Định hướng CBKT

Quy hoạch phòng chống lũ được nghiên cứu dựa trên các đề án do Viện quy hoạch thủy lợi lập và trình Chính phủ như: “Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết của từng tuyến sông có đê trên địa bàn Hà Nội” với mức đảm bảo phòng chống lũ đê sông theo tiêu chuẩn phân cấp đê 14TCN 19-85. “ Dự án quy hoạch sông Đáy” xoá bỏ các khu chậm lũ, xây dựng mới công trình đầu mối sông Đáy, kiến nghị nên giữ sông Đáy theo hình thái tự nhiên, thân thiện với môi trường.

Quy hoạch san nền đảm bảo không bị ảnh hưởng của lũ lụt và các tác động bất lợi của thiên nhiên (sạt lở, động đất...), cao độ nền không chế của từng đô thị sẽ được lựa chọn phụ thuộc vào chế độ thủy văn của sông, suối đi qua, ảnh hưởng trực tiếp tới đô thị (ứng với tần suất $P=1\%$). Đối với khu dân dụng đảm bảo tần suất ($P=1\%$) + 0,3m, đối với KCN đảm bảo tần suất ($P=1\%$) + (0,5-0,7)m. Cao độ không chế đối với các thị trấn, dân cư nông thôn sẽ căn cứ vào mực nước max gây úng ngập hàng năm và tôn cao hơn nền ruộng từ 0,7 đến 1,5m.

b. Quy hoạch Thoát nước mưa đô thị:

Định hướng tiêu thoát nước cho Hà Nội đảm bảo thoát nước nhanh nhất và hiệu quả nhất, theo hình thức tự chảy là chính, đáp ứng được biến đổi khí hậu đã được cảnh báo. Hình thành 3 lưu vực chính là Tả Đáy, Hữu Đáy và Bắc Hà Nội. Đối với khu vực Hà Nội cũ, tiếp tục hoàn thiện dự án thoát nước Hà Nội chủ động tiêu thoát và được hỗ trợ một phần của vùng tiêu thủy lợi sông Nhuệ. Các lưu vực phụ trong nội đô Hà Nội (lưu vực sông Tô Lịch) về cơ bản tuân thủ QH thoát nước do JICA lập và QH năm 1998. Các lưu vực phụ nằm giữa vành đai III và vành đai IV phù hợp với quy hoạch tiêu nước hệ thống thủy lợi sông Nhuệ (phê duyệt tại quyết định số 037/QĐ-TTg ngày 01/07/2009). Tại các đô thị vệ tinh và các điểm dân cư tập trung khác: các lưu vực thoát nước sẽ được phân chia trên cơ sở địa hình tự nhiên, hướng thoát ra các sông chảy qua đô thị.

Về công trình đầu mối: Đối với khu vực Hà Nội cũ, ngoài trạm bơm tiêu Yên Sở cần hỗ trợ bằng cách chuyển đổi các trạm bơm thủy lợi thành các trạm bơm đô thị như: trạm bơm Yên Nghĩa, Đào Nguyên, Yên Thái, Khe Tang mới. Tại các đô thị vệ tinh, thị tứ, thị trấn, dân cư nông thôn, giai đoạn trước mắt tiêu thoát theo thủy lợi, nâng cấp các trạm bơm tới đủ công suất để tiêu chung cho cả đô thị, công nghiệp và nông nghiệp. Các công trình đầu mối được xây dựng phù hợp với từng giai đoạn đầu tư.

Giải pháp tổ chức thoát nước mưa: Đảm bảo thông thoáng các trục tiêu chính đi qua đô thị: sông Hồng, sông Đáy, sông Nhuệ ... Mở rộng và nạo vét các kênh trục chính: sông Nhuệ, sông

Tích, sông Hang, La Khê, Vân Đình, Duy Tiên, sông Thiếp, kênh Xuân Nộn, sông Hoàng Giang - Ngũ Huyện Khê...Tạo ra những hệ thống tiêu liên hoàn, đặc biệt là trong đô thị trung tâm. Cần phải có quỹ đất dự phòng dành cho hệ thống công trình tiêu. Xoá bỏ tình trạng ngập úng thường xuyên trong mùa mưa ở các đô thị. Mở rộng phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước, đạt 90% và tiến tới đạt 100%.

2.10.3 Cấp nước

Cấp nước cho Hà Nội hiện nay chủ yếu sử dụng nước ngầm, công suất 700.000 m³/ngđ, chất lượng không đồng đều tại các khu vực. Nhà máy nước sông Đà công suất 300.000 m³/ngđ là nguồn cấp nước chủ yếu cho Hà Nội, đến nay công suất khai thác sử dụng thấp do mạng lưới cấp nước chưa được xây dựng. Hiện nay tỷ lệ dân sử dụng nước máy chiếm 46% chủ yếu tại Hà Nội cũ, Hà Đông và Sơn Tây, tiêu chuẩn 100-120 l/ng.ngđ & 54% dân số sử dụng nước giếng khoan, giếng đào, nước mưa và ao hồ. Khu vực nông thôn, cấp nước đô thị chiếm 1,4%, còn lại sử dụng nước giếng khoan hoặc giếng đào.

Định hướng cấp nước đạt 90-100% dân số sử dụng nước sạch, tiêu chuẩn: 150-200 l/ng.ngđ tại thành thị & từ 100-120 l/ng.ngđ tại nông thôn. Tổng nhu cầu cấp nước đến năm 2030: 2.628.544 m³/ngđ, đến năm 2050: 3.633.171 m³/ngđ. Trong đó lượng nước cấp cho đô thị chiếm tỷ lệ 82%. Hạn chế không khai thác nước ngầm, tiếp tục khai thác nước mặt sông Đà, sông Lô, sông Đuống để tránh sụt lún nền đất đô thị, tỷ lệ khai thác nước mặt đến năm 2020 là 65% và đến năm 2030 đạt 83%. Xây mới NNM mặt sông Hồng (nguồn nước sông Đà) công suất năm 2030 đạt 600.000m³/ngđ cấp bổ sung cho khu vực Nam sông Hồng. Xây dựng NNM sông Đuống (nguồn nước sông Đuống, xét thêm phương án lấy nước mặt sông Lô) công suất năm 2030 đạt 600.000m³/ngđ cấp bổ sung cho khu vực Bắc sông Hồng. Nâng công suất NNM sông Đà năm 2030 đạt 1.200.000 m³/ngđ cấp cho khu vực phía Tây thủ đô Hà Nội. Tổng lượng khai thác nước ngầm đến năm 2030 là 455.000 m³.ngđ. Trong đó giảm dần công suất các nhà máy nước ngầm khu vực trung tâm Hà Nội đến năm 2030 là 265.000 m³/ngđ. Xây dựng các trạm bơm tăng áp cấp nước cho các đô thị. Khu vực nông thôn sống gần đô thị sử dụng nước của các nhà máy nước, đối với các khu vực nông thôn khác cần xây dựng các trạm cấp nước tập trung quy mô nhỏ

2.10.4. Cấp điện

Dự báo đến năm 2030, tổng nhu cầu cấp cho Hà nội cần khoảng 10.000MW (năm 2009 đạt 1650MW). Để đáp ứng nhu cầu tăng thêm này, phải đảm bảo đúng tiến độ xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy thủy điện cấp vùng tại Sơn La, Lai Châu; các nhà máy nhiệt điện vùng duyên hải Bắc bộ ở Quảng Ninh, Hải Phòng... Cần xây dựng mới 04 trạm 500KV cho Hà nội gồm Hiệp Hòa, Đan Phượng, Đông Anh, Xuân Mai; nâng công suất trạm 500KV Thường Tín. Xây mới khoảng 21 trạm và cải tạo 5 trạm 220KV đến 2030 với tổng công suất 14.500MVA. Các đường dây 500KV, 220KV được bố trí quỹ đất, hình thành các mạch vòng kín để cấp điện ổn định, an toàn.

Đảm bảo mỹ quan đô thị, từ đường vành đai 4 trở vào đô thị lõi lịch sử sẽ ngầm hóa 100% lưới điện nổi đến 220KV hiện có (Hiện tại đường điện đi nổi chiếm >75%).

Tiếp tục phát triển hệ thống chiếu sáng đô thị Hà Nội phải đảm bảo an toàn cho người dân, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả cao, hạn chế ô nhiễm ánh sáng. Đến 2030, dự kiến 100% đường đô thị và 90% đường trong khu dân cư nông thôn được chiếu sáng đạt tiêu chuẩn.

2.10.5. Thông tin liên lạc

Dự báo đến năm 2030 cần khoảng 7,2 triệu thuê bao, mật độ 77,4 thuê bao/100 dân. Phát triển công nghệ mới, cho phép các nhà cung cấp nâng cao chất lượng dịch vụ. Chuyển mạch quang, giao thức IP sẽ được sử dụng đến tận thuê bao. Từng bước nâng cấp từ thông tin băng thông rộng ADSL, lên các công nghệ tiên tiến hơn như truy nhập không dây băng rộng (Wimax)... Xây dựng mô hình Chính phủ điện tử và tạo điều kiện để phát triển thương mại điện tử. Ngầm

hóa mạng cáp ngoại vi trong khu nội đô và các đô thị vệ tinh. Phát triển công nghệ 3G-4G. Bổ sung trạm thu phát sóng tại vùng lõm và khu vực tập trung đông dân cư để tránh xảy ra nghẽn mạng hoặc mất tín hiệu.

2.10.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang

a. Quy hoạch thoát nước thải

Mạng lưới thoát nước thải tại Hà Nội hiện chưa được đầu tư đồng bộ. Trong các đô thị hiện đang sử dụng chung với hệ thống thoát nước mưa, khu vực nông thôn không có hệ thống nước thải bản. Toàn thành phố có 4 trạm XLNT sinh hoạt đô thị, tổng công suất 46.000-50.000 m³/ngđ. Tại các KCN, chưa xử lý nước thải công nghiệp đạt tiêu chuẩn môi trường; Hiện có 5/17 KCN có trạm XLNT hoạt động và đang xây dựng, chiếm 29,5%. Tại các bệnh viện, có 22/80 bệnh viện chính có trạm XLNT, đạt tỷ lệ 27 %.

Dự kiến đến năm 2030: tổng nước thải sinh hoạt và công nghiệp cần xử lý cho 100% các hoạt động là 1.975.000 m³/ngđ. Đối với các đô thị cũ, sử dụng hệ thống thoát nước hỗn hợp, thu gom xử lý tại các trạm XLNT tập trung. Đối với khu đô thị mới, xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng và thu gom xử lý tập trung. Khu vực nông thôn, xây dựng hệ thống mương, cống thoát nước chung và xử lý nước thải sinh học trong điều kiện tự nhiên. Đối với các KCN tập trung, nước thải được thu gom riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường. Đối với các nhà máy xí nghiệp phân tán, phải xây dựng công trình XLNT riêng của từng nhà máy. Chất lượng nước thải sau khi xử lý phải đạt các tiêu chuẩn Việt Nam.

b. Quản lý chất thải rắn (CTR)

Toàn thành phố hiện đã thu gom được 1.079.115 tấn/năm đạt 83,2% tổng lượng CTR phát sinh, đã có 5 khu xử lý CTR lớn với diện tích khoảng 101 ha.

Dự kiến 100% CTR được thu gom, phân loại CTR tại nguồn, trên phạm vi toàn thành phố. Dự báo năm 2030, lượng chất thải rắn sinh hoạt là 10.279 tấn/ngđ. Mỗi đô thị, KCN sẽ thành lập một điểm trao đổi thông tin về CTR có thể tái chế, tái sử dụng để các doanh nghiệp trực tiếp trao đổi CTR, tạo thuận lợi cho nhu cầu tái chế, tái sử dụng.

Cải tạo và xây dựng mới 12 khu xử lý CTR lớn với tổng diện tích đến năm 2050 là 245-452 ha, trong đó dự kiến mới là 144-350 ha. Bao gồm: Khu xử lý CTR Sóc Sơn 68,1-150ha; Khu xử lý CTR Việt Hùng – Đông Anh 8,8ha; Khu xử lý CTR xã Phù Đổng – Gia Lâm 6-23 ha, Khu xử lý CTR Kiều Kỵ - Gia Lâm 10ha, Khu xử lý CTR xã Cao Dương – Thanh Oai 4,5 ha, Khu xử lý CTR xã Châu Can – Phú Xuyên 4 -15ha, Nhà máy phân hữu cơ Cầu Diễn – Từ Liêm 2,2ha, Khu xử lý CTR Xuân Sơn – Sơn Tây 10-40ha; Khu xử lý CTR Đồng Ké – Chương Mỹ 19ha; Khu xử lý CTR Núi Thoong – Chương Mỹ 2-9 ha, Khu xử lý CTR xã Hữu Bằng – Thạch Thất 3ha, Khu xử lý CTR xã Tiến Sơn - Lương Sơn (Hòa Bình) 11-78ha.

Các khu xử lý CTR có quy mô lớn (cấp thành phố) sẽ lựa chọn công nghệ hiện đại, chủ yếu là tái chế chất vô cơ, hữu cơ; đốt CTR vô cơ không tái chế được và CTR nguy hại sản xuất điện; chôn lấp hợp vệ sinh (chất vô cơ và tro sau khi đốt). Các khu xử lý CTR quy mô nhỏ, CTR phát sinh tại khu vực nông thôn ưu tiên sử dụng các công nghệ chôn lấp, tái chế, ủ phân hữu cơ phục vụ nông nghiệp. Áp dụng công nghệ hoàn nguyên bã chôn lấp để tiết kiệm diện tích.

c. Quản lý nghĩa trang:

Tổng đất nghĩa trang toàn thành phố hiện nay là 2.893ha, trong đó có 9 nghĩa trang tập trung lớn với diện tích 111,6 ha.

Dự báo năm 2030: Địa táng tại Hà Nội chiếm 55%, địa táng ngoài Hà Nội chiếm 5%, hỏa táng chiếm 40%. Cải tạo và xây mới 14 nghĩa trang tập trung, gồm: Mai Dịch 1 – Q. Cầu Giấy là 5,5ha; Mai Dịch 2 – H. Thạch Thất từ 57-200 ha; Vạn Phúc – Hà Đông 5ha; Xuân Đình – Từ Liêm 5,5ha; Thanh Tước – Mê Linh 14ha; Minh Phú – Sóc Sơn 60-130ha; Xã Thụy Lâm – Đông Anh 8ha; Văn Diễn – Thanh Trì 18,3ha; Yên Kỳ 1 – Ba Vì 38,4ha; Yên Kỳ 2 – Ba Vì 150-383ha; Vĩnh Hằng – Ba Vì 18,3ha; Trung Sơn Trầm – Sơn Tây 14ha; Sài Đồng – Gia Lâm

0,6ha; Xã Lê Chi – Gia Lâm 22-68ha. Xây dựng mới các lò hỏa táng tại 4 khu vực là: Yên Kỳ 2, Mai Dịch 2, Thụy Lâm – Đông Anh và Lê Chi – Gia Lâm.

Các nghĩa trang hiện hữu sẽ phải trồng cây xanh bao quanh, giảm thiểu sự lộ diện ra ngoài các tuyến đường giao thông. Đối với các đô thị, sẽ đóng cửa các nghĩa trang hiện có khi lấp đầy, cải tạo thành nghĩa trang công viên. Khu vực nông thôn, tất cả các nghĩa trang phân tán, quy mô nhỏ thuộc phạm vi dự án xây dựng sẽ di chuyển đến nghĩa trang tập trung. Các nghĩa trang còn lại không thuộc dự án xây dựng, không mở rộng quy mô, hết thời gian hung táng chuyển đến nghĩa trang tập trung.

2.11. Bảo tồn di sản

Trải qua 1000 năm phát triển, Hà Nội mang trong mình những giá trị đặc trưng sâu sắc về văn hóa vật thể và phi vật thể của nền văn hóa Thăng Long cổ, Hà nội văn hiến được hình thành và phát triển bởi sự kế thừa tiếp nối liên tục xuyên suốt nhiều giai đoạn lịch sử quan trọng của dân tộc. Bên cạnh những giá trị văn hóa phi vật thể là lối sống, phong tục tập quán, nghề truyền thống... được người Hà Nội đúc kết, lưu truyền từ ngàn năm về trước đến ngày nay. Hà Nội còn lưu giữ trong mình hệ thống di sản văn hóa vật thể đồ sộ cần bảo tồn tại đô thị lõi lịch sử đó là các khu phố cổ, khu phố Pháp, làng cổ ven đê, thành cổ, những công trình kiến trúc văn hóa, tín ngưỡng, các kiến trúc thuộc địa Pháp, các kiến trúc tiêu biểu thời kỳ Hòa bình lập lại... và cả hệ sinh thái cảnh quan đặc trưng là đô thị với nhiều sông hồ, cây xanh gắn với vùng sinh thái nông nghiệp. Ngày nay, Hà Nội được sáp nhập với Hà tây, cũng là vùng mang đậm văn hóa truyền thống, văn hóa Xứ Đoài.

Tất cả các giải pháp quy hoạch đô thị đều được thiết lập dựa trên tiêu chí bảo tồn. Đối với khu đô thị lõi lịch sử: kiểm soát và giảm quy mô dân số từ 1,2 triệu dân xuống còn 0,8 triệu, không chế tầng cao, mật độ xây dựng và có quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan từ đường vành đai 2 đến lõi trung tâm, đặc biệt là khu vực xung quanh Hoàn Thành, khu Ba Đình, khu phố cổ, phố Pháp, hồ Gươm, hồ Tây và một số làng truyền thống như làng hoa Tây Hồ, hoa Ngọc Hà, làng đúc đồng Ngũ Xã, làng Bưởi..., các di tích tín ngưỡng trong các ô phố, khu dân cư. Bảo tồn cầu Long Biên. Lập kế hoạch khảo sát, đánh giá toàn diện các di tích Thăng Long cổ, khảo cổ để trung tu, sửa chữa.

Các di tích nằm ngoài đô thị lõi lịch sử, tiếp tục khảo sát và xây dựng danh mục công trình, cụm công trình di tích để đánh giá, xếp hạng và có kế hoạch bảo tồn. Các cụm công trình có giá trị về văn hóa lịch sử như: Thành Cổ loa, Sơn Tây; các làng cổ Đường Lâm, Bát Tràng...; Chùa Thầy, chùa Tây Phương, đình Thụy Phiêu, đình Tây Đằng, Chu Quyến... tiếp tục nâng cấp bảo tồn di tích, khoanh vùng bảo vệ và kiểm soát các hoạt động xây dựng khu vực xung quanh di tích, loại bỏ các kiến trúc ảnh hưởng đến cảnh quan di tích như khu vực chùa Thầy. Phát huy và nhân rộng mô hình bảo tồn làng cổ Đường Lâm hiện nay. Bảo tồn các vùng cảnh quan sinh thái đặc biệt quan trọng như vườn Quốc gia Ba Vì, hồ Đồng Mô, hồ Tây, Hương Sơn, khu thiên nhiên bán sơn địa vùng Sơn Tây, vùng sinh thái tự nhiên ven sông Hồng, sông Đáy...

Đối với khu Thành cổ và di tích 18 Hoàng Diệu, phục chế lại Điện Kính Thiên và các di tích khác trong thành khi có đủ tư liệu khoa học.

Đối với khu phố cổ Hà Nội bổ sung quy chế quản lý xây dựng và phát triển, phân kỳ tôn tạo cho các tuyến phố, cải tạo thí điểm chỉnh trang mặt đứng kiến trúc và không gian 1 tuyến phố trên cơ sở hiện trạng kiến trúc hiện nay, giảm mật độ cư trú, cải tạo điều kiện vệ sinh môi trường, sau đó nhân rộng nhiều khu phố khác.

Đối với khu phố Pháp bảo tồn cấu trúc đô thị, giảm mật độ xây dựng, không phá dỡ biệt thự cũ, trả lại nguyên dạng, xóa bỏ các cơ sở xung quanh các công trình kiến trúc Pháp xây dựng trước năm 1954, không xây dựng xen cấy các công trình mới đặc biệt là các công trình cao tầng; nâng cấp và trung tu các công trình hạ tầng kỹ thuật...

2.12. Đánh giá môi trường chiến lược

Các giải pháp nghiên cứu quy hoạch: không gian, giao thông, hạ tầng kỹ thuật... như đã nêu trên đều đã lồng ghép nội dung nghiên cứu bảo vệ môi trường có tính chiến lược theo các giai đoạn quy hoạch, vì vậy nội dung này không nghiên cứu tách riêng.

Hà Nội mở rộng hiện nay đang phải đối mặt với nhiều vấn đề môi trường bức xúc như: ô nhiễm môi trường lưu vực sông Nhuệ - Đáy, suy thoái tài nguyên nước mặt, nước ngầm, ô nhiễm môi trường do chất thải, nước thải, khí thải từ sinh hoạt, sản xuất và giao thông đô thị, suy giảm các hệ sinh thái, tai biến môi trường và ngập úng...

Bảo vệ môi trường thủ đô Hà Nội cần được giải quyết bằng nhiều giải pháp tổng thể, đồng bộ nhằm: kiểm soát ô nhiễm các khu vực phát triển, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm, xử lý triệt để chất thải rắn, lỏng, khí, đảm bảo chất lượng không khí trong lành, phục hồi môi trường nước các dòng sông ô nhiễm, cải thiện chất lượng nước, cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất, giảm thiểu tai biến môi trường, hạn chế thiên tai lũ lụt, bảo vệ cảnh quan môi trường, bảo vệ rừng, các thảm thực vật, bảo vệ phát triển các hệ sinh thái tự nhiên... đồng thời đảm bảo các điều kiện xã hội đặc biệt tại các khu nghèo đô thị, khu tái định cư, vùng ven đô.

Nghiên cứu đánh giá môi trường chiến lược cho thấy quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội sẽ góp phần quan trọng trong việc phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm và suy thoái môi trường cũng như cải thiện mạnh mẽ chất lượng môi trường sống trong quá trình phát triển đô thị hiện nay và trong những năm tới. Những định hướng lớn trong quy hoạch như: phát triển “cân bằng” dựa trên bảo tồn, xây dựng “thành phố xanh”, phát triển đô thị theo mô hình đô thị trung tâm và năm đô thị vệ tinh, di chuyển các khu công nghiệp cũ, các cơ sở giáo dục, y tế ra khỏi nội thành... về tổng thể đều phù hợp về với mục tiêu bảo vệ và cải thiện môi trường của thủ đô hiện nay. Để bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch, cần thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường trọng tâm theo 7 khu vực như sau:

- Bảo tồn, cải thiện môi trường: Khu vực lõi đô thị trung tâm từ phía Nam sông Hồng đến vành đai 2.
- Xử lý, phục hồi môi trường: Các khu dân cư, khu công nghiệp cũ phía Nam đô thị trung tâm từ vành đai 2 đến vành đai 3.
- Kiểm soát, khống chế ô nhiễm môi trường đô thị: Vùng đô thị lõi mở rộng từ sông Nhuệ đến vành đai 4 và Khu vực đô thị mới Hòa Lạc, Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Xuân Mai, Mê Linh, Phú Xuyên.
- Phòng hộ môi trường: Vùng vành đai xanh.
- Giảm thiểu rủi ro môi trường: Vùng hành lang 2 bên sông Hồng và hành lang xanh thuộc vùng xả lũ sông Đáy và sông Tích.
- Bảo vệ hệ sinh thái: Khu vực Ba Vì, Đồng Mô, Suối Hai, Quan Sơn, Hồ Tây, Sóc Sơn, Hương Sơn.
- Kiểm soát, khống chế ô nhiễm môi trường nông thôn.

2.13. Tài chính và quản lý đô thị

2.13.1 Tài chính đô thị

Các nguồn vốn bao gồm: Vốn ngân sách Nhà nước phân bổ cho Thủ đô Hà Nội và Khu vực phía Bắc Việt Nam, ngân sách Thủ đô Hà Nội và nguồn vốn ODA và FDI cho Thủ đô Hà Nội. Xây dựng khung hạ tầng kỹ thuật làm đòn bẩy hình thành các đô thị vệ tinh cũng như các khu đô thị mới. Xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư xây dựng, khai thác nguồn vốn từ các Chủ đầu tư bằng các cơ chế phù hợp.

2.13.2 Các chương trình và dự án chiến lược

a. Các dự án chiến lược được thực hiện theo các vấn đề sau:

Chiến lược 1: Tăng cường bản sắc, hình ảnh riêng về Thành phố, thiết lập các trục không gian “mặt nước”, “cây xanh” và “văn hoá”.

Chiến lược 2: Phát triển hệ thống đô thị vệ tinh và đô thị sinh thái có giới hạn rõ ràng, đáp ứng sự tăng trưởng dân số và việc làm trong thời gian tới của Hà Nội. Hạn chế sự phát triển loang rộng và thiếu kiểm soát.

Chiến lược 3: Phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, sử dụng giao thông công cộng là phương tiện chủ yếu để kết nối đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh nhằm đảm bảo hoạt động kinh tế - xã hội thuận lợi, tính cạnh tranh cũng như bảo vệ môi trường.

Chiến lược 4: Phát triển hệ thống các trung tâm đô thị hiện đại, có tính cạnh tranh để thu hút đầu tư đa dạng và chất lượng là động lực chính cho các đô thị vệ tinh, đóng vai trò tạo thêm nhiều cơ hội việc làm và hạn chế tốc độ di dân tới đô thị trung tâm.

Chiến lược 5: Cải tạo và nâng cấp Đô thị lõi lịch sử. Tăng cường kiểm soát phát triển dân số và các khu xây dựng.

Chiến lược 6: Ngăn ngừa hiểm hoạ thiên tai và các thảm hoạ khác do con người gây ra.

Chiến lược 7: Giữ gìn, bảo tồn các di sản văn hóa truyền thống

Chiến lược 8: Tăng cường thể chế để quản lý đô thị.

Chiến lược 9: Tạo dựng và tăng cường nguồn lực phát triển đô thị.

b. Các dự án ưu tiên bao gồm hệ thống hạ tầng khung: Giao thông công cộng; Đường xá; Năng lượng; Cấp nước; Thoát nước; Thông tin liên lạc; Chất thải rắn.

2.13.3. Quản lý đô thị

Hình thành Hệ thống Quy hoạch Tổng thể Thủ đô Hà Nội, cải cách thể chế tạo điều kiện quản lý phát triển Thủ đô Hà Nội, thiết lập *bộ Luật Thủ đô*.

Xây dựng quy chế quản lý đô thị, trước mắt là quy chế quản lý đô thị theo đồ án quy hoạch sau khi TTCP phê duyệt. Sau đó là các bước triển khai quy hoạch chi tiết. Thành phố Hà Nội cần có các quy chế quản lý đô thị đối với từng khu vực đô thị và nông thôn với từng tuyến phố.

Xây dựng Chương trình Cải tiến Phát triển Đô thị phù hợp với thực tiễn và hiệu quả cho quá trình chuẩn bị và quản lý Quy hoạch tổng thể thủ đô Hà Nội bao gồm nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm của các nhà tư vấn quy hoạch, lãnh đạo và chuyên viên quản lý đô thị.

Hợp tác Quản lý Đô thị giữa chính quyền thành phố với các nhà tài trợ để thực hiện Hệ thống Quy hoạch Phát triển tổng thể Thủ đô Hà Nội thông qua một cam kết chung để tham gia chủ động vào Chương trình Cải tiến quản lý Đô thị.

III. KẾT LUẬN

Đồ án Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội sẽ được triển khai thực hiện theo các mốc thời gian như sau:

- Giai đoạn từ năm 2010-2020. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, trong đó ưu tiên xây dựng mạng lưới giao thông công cộng, hạ tầng các KCN, các khu thương mại đầu mối, hạ tầng các cơ sở trường đại học, các đô thị mới dọc đường vành đai IV và phía Bắc sông Hồng. Xây dựng HTKT và HTXH đô thị Hòa Lạc.
- Giai đoạn 2020-2030. Tiếp tục xây dựng các hạng mục công trình đã triển khai trong giai đoạn 2010-2020. Xây dựng các cơ sở hạ tầng xã hội trong các đô thị mới mở rộng của đô thị hạt nhân và HTKT các đô thị vệ tinh khác. Cải tạo đô thị lõi lịch sử. Xây dựng hạ tầng khu dân cư nông thôn.
- Giai đoạn 2030-2050. Phát triển hài hòa và tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình đã xây dựng trong giai đoạn 2010-2030.

